Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3206.49.90

Mã HS	3206.49.90
Mô tả hàng hóa	Chất màu khác; các chế phẩm như đã ghi trong Chú giải 3 của Chương này, trừ các loại thuộc nhóm 32.03, 32.04 hoặc 32.05; các sản phẩm vô cơ được dùng như chất phát quang, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học / - Chất màu khác và các chế phẩm khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	12/11/2026 04:27:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32064990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4838
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4838
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4838
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4725
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4686
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4686
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4686
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4686
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4686
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4686
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4724
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4724
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4724
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4724

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4724
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4724
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4728
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4728
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4728
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4728
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4728
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4728
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4728
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4692
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4688
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4688
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4688
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4688
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4688
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4688
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4688
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4688
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4688
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4688
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4688
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4688
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4735
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4735
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4735
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4735

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4735
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4735
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4732
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4732
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4732
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4732
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4732
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4732
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4740
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4740
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4740
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4740
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4740
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4740
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4711
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4711
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4711
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4711
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4711
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4711
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4713
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4713
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4713
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4713
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4713
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4713

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4711
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4711
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4711
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4711
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4711
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4711
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4711
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4732
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4732
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4732
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4732
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4732
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4732
RCEP B	2022	2022	0	B!D4732
RCEP B	2023	2023	0	B!E4732
RCEP B	2024	2024	0	B!F4732
RCEP B	2025	2025	0	B!G4732
RCEP B	2026	2026	0	B!H4732
RCEP B	2027	2027	0	B!I4732
RCEP C	2022	2022	0	C!D4732
RCEP C	2023	2023	0	C!E4732
RCEP C	2024	2024	0	C!F4732
RCEP C	2025	2025	0	C!G4732
RCEP C	2026	2026	0	C!H4732
RCEP C	2027	2027	0	C!I4732
RCEP D	2022	2022	0	D!D4732

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4732
RCEP D	2024	2024	0	D!F4732
RCEP D	2025	2025	0	D!G4732
RCEP D	2026	2026	0	D!H4732
RCEP D	2027	2027	0	D!I4732
RCEP E	2022	2022	0	E!D4735
RCEP E	2023	2023	0	E!E4735
RCEP E	2024	2024	0	E!F4735
RCEP E	2025	2025	0	E!G4735
RCEP E	2026	2026	0	E!H4735
RCEP E	2027	2027	0	E!I4735
RCEP F	2022	2022	0	F!D4732
RCEP F	2023	2023	0	F!E4732
RCEP F	2024	2024	0	F!F4732
RCEP F	2025	2025	0	F!G4732
RCEP F	2026	2026	0	F!H4732
RCEP F	2027	2027	0	F!I4732
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4363
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4363
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4363
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4363

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3206.49 có 3 dòng thuế; dòng 3206.49.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3206.49.11 Của các chất màu vô cơ từ hợp chất cađimi hoặc hexacyanoferrates (ferrocyanides và ferricyanides); 3206.49.19 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3206.49.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3206.49.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4838), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.